

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/3/2025

V/v “Ly hôn giữa ông P với bà N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 418/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ông Trần Võ Vũ Hoàng P**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* **Bà Lư Thị Thu N**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Ông P, và N yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024, Biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2025, nguyên đơn ông Trần Võ Vũ Hoàng P trình bày:

Ông và bà N kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/9/2022 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Ông và bà N đã ly thân khoảng một năm nay. Nay tình cảm giữa ông và bà N không còn nên ông xin ly hôn với bà N.

Về con chung: ông và bà N có 01 con chung tên Trần Kim T sinh ngày 24/9/2022. Sau khi ly hôn, bà N nuôi con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc và đi lại khó khăn, ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà N nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024, bị đơn bà Lư Thị Thu N trình bày:

Bà và ông P kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 09/9/2022 do tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Bà và ông P đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông P

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Kim T sinh ngày 24/9/2022. Sau khi ly hôn bà đồng ý nuôi con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

Vì lý do công việc và đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà, cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: công nhận ông P và bà N thuận tình ly hôn
- Về con chung: bà N trực tiếp nuôi con chung tên Trần Kim T sinh ngày 24/9/2022. Ghi nhận việc ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng.
- Về tài sản, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.
- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Võ Vũ Hoàng P khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Lư Thị Thu N nên quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Võ Vũ Hoàng P và bà Lư Thị Thu N là tranh chấp về ly hôn. Bà N đang cư trú tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Trần Võ Vũ Hoàng P và bị đơn bà Lư Thị Thu N đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Trần Võ Vũ Hoàng P và bị đơn bà Lư Thị Thu N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông P và bà N tự nguyện kết hôn vào năm 2022 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2022 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông P, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Ông và bà N đã ly thân khoảng một năm nay. Nay tình cảm giữa ông và bà N không còn nên ông xin ly hôn với bà N. Bà N thống nhất ý kiến và đồng ý ly hôn với ông P. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà N.

[2.2] Về con chung: ông P và bà N có 01 con chung tên Trần Kim T sinh ngày 24/9/2022. Ông P yêu cầu sau khi ly hôn giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Bà N cũng đồng ý nuôi con chung sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Kim T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi trưởng thành. Mức cấp dưỡng của ông P phù hợp theo quy định tại khoản 02 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông P và bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ông P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000đồng

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Võ Vũ Hoàng P và Bà Lư Thị Thu N.

2. Về con chung: giao con chung là Trần Kim T sinh ngày 24/9/2022 cho bà Lư Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông Trần Võ Vũ Hoàng P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông P và bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005296 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông P còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã B.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương

